

Số: *104* /2014/QĐ-UBND

Phan Rang- Tháp Chàm, ngày 27 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn ổn định trong 5 năm 2011 – 2015, ban hành kèm theo Quyết định số 2402/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐND ngày 25/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa IX, kỳ họp thứ 12 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên ban hành theo Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 23/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4200a/TTr-STC ngày 27 tháng 12 năm 2014; Báo cáo thẩm định số 1440/BC-STP ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn ổn định trong 5 năm 2011 – 2015, ban hành kèm theo Quyết định số 2402/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

1. Điều chỉnh định mức phân bổ chi hành chính, sự nghiệp, Đảng, Mặt trận, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp:

a) Định mức chi hỗ trợ đối với hai chức danh lái xe và tạp vụ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cụ thể như sau: Cấp tỉnh (các sở và cơ quan ngang sở); cấp huyện, thành phố (huyện ủy, thành ủy và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố):

- Lái xe: 40 triệu đồng/người/năm;

- Tạp vụ: 40 triệu đồng/người/năm. *ll*

Đối với Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, huyện ủy, thành ủy: giao 04 định suất/đơn vị để đảm bảo nhu cầu chi.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp, việc xác định mức ngân sách hỗ trợ sẽ được tính toán cụ thể cho từng đơn vị theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 71/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 42/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh để giao quyền tự chủ tài chính:

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên từ 10% trở xuống: do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động;

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên từ trên 10% đến dưới 50%: dành 30% chênh lệch thu, chi (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định hiện hành) để đảm bảo thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước.

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị từ 50% đến dưới 100%: dành 50% chênh lệch thu, chi (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định hiện hành) để đảm bảo thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước.

Các mức tự đảm bảo nêu trên không áp dụng đối với việc giao dự toán cho các cơ sở khám chữa bệnh của ngành y tế.

2. Điều chỉnh, bổ sung định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo:

Đơn vị tính: triệu đồng/sinh viên (học viên)/năm

STT	Hệ giáo dục	Định mức	Điều kiện	Ghi chú
I	Ngành sư phạm			
1	Sinh viên cao đẳng	11,5 (giao theo số lượng 600 sinh viên).	Số lượng sinh viên có mặt nhỏ hơn hoặc bằng 600 sinh viên.	Định mức này chưa tính số thu được để lại theo cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Định mức phân bổ trên được tính theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng.
		11,5 (tính theo số lượng sinh viên thực tế có mặt)	Số lượng sinh viên có mặt lớn hơn 600 sinh viên.	
2	Trung học sư phạm	9,00		
II	Công nhân học nghề			
1	Công nhân học nghề ngắn hạn	4,30		
2	Công nhân kỹ thuật	2,25		
3	Học sinh ngắn hạn	1,26		
III	Học viên hệ Cao đẳng nghề	5,5		

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ năm ngân sách 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ll*

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Thuận;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- Lưu: VT, VX, TH, NVCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hoà